**BÀI VIẾT**

**SỐ ĐỊNH DANH CÁ NHÂN VÀ NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT**

Cấp mã số định danh là một điểm mới của [Luật Hộ tịch 2014](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=lu%C3%A2t%20ho%20tich%202014&area=0&type=0&status=0&lan=0&org=0&signer=0&match=True&sort=1&bdate=21/07/1937&edate=21/07/2017&chlbg=21/07/1937&chlend=21/07/2027) có ý nghĩa lớn trong việc đăng ký khai sinh, cấp giấy khai sinh và số định danh cá nhân cho người được khai sinh. Đối với người dưới 14 tuổi thì số định danh cá nhân được ghi vào giấy khai sinh và đây chính là số thẻ căn cước công dân của người đó khi đủ tuổi được cấp thẻ căn cước công dân. *Dưới đây là tổng hợp những điều cần biết về số định danh cá nhân*

**1. Số định danh cá nhân là gì?**

Số định danh cá nhân cũng chính là sổ thẻ Căn cước công dân (12 số), được cấp cho mỗi công dân từ khi sinh ra đến khi mất, không lặp lại ở người khác.

Mã số này được dùng để kết nối, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

**2. Thời điểm cấp số định danh cá nhân**

Công dân được cấp số định danh cá nhân khi đăng ký khai sinh.

Trường hợp công dân đã đăng ký khai sinh nhưng chưa được cấp số định danh cá nhân thì cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác lập số định danh cá nhân cho công dân theo thông tin hiện có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư *(Nghị định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sữa đổi, bổ sung Nghị định số 137/2015/NĐ-CP).*

Ngoài ra, trường hợp đã có số định danh cá nhân mà được xác định lại giới tính hoặc cải chính năm sinh thì cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác lập lại số định danh cá nhân cho sau khi công dân đã thực hiện việc đăng ký hộ tịch liên quan đến thông tin về giới tính, năm sinh.

**3. Cấu trúc và ý nghĩa của số định danh cá nhân**

Số định danh cá nhân là dãy số tự nhiên gồm 12 số, có cấu trúc gồm:

- 3 số đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi công dân đăng ký khai sinh, hoặc mã các quốc gia nơi công dân đăng ký khai sinh.

- 3 số kế tiếp là mã thế kỷ sinh, mã giới tính và mã năm sinh.

- 6 số còn lại là các số ngẫu nhiên.

*(quy định tại Điều 7, Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành NĐ số 137/2015/NĐ-CP và Luật căn cước công dân năm 2014)*

**4. Thủ tục cấp số định danh cá nhân**

***- Đối với công dân đăng ký khai sinh:***

+ Người đi đăng ký khai sinh nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch (Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi phải có biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập; trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản chứng minh việc mang thai hộ theo quy định pháp luật).

+ Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ nêu trên, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ hộ tịch chuyển ngay các thông tin của người được đăng ký khai sinh cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Thủ trưởng cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra thông tin, tài liệu theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 13 của Luật Căn cước công dân, cấp và chuyển ngay số định danh cá nhân cho cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch.

**- Đối với công dân đã đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú**

+ Công dân đã đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú nhưng chưa được cấp số định danh cá nhân theo quy định thì khi làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân, cơ quan quản lý căn cước công dân có trách nhiệm thu thập, chuyển các thông tin về công dân theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Căn cước công dân cho cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an; trong đó ít nhất phải có các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ( Nơi thường trú; Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân hoặc số Chứng minh nhân dân của chủ hộ, quan hệ với chủ hộ)

+ Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an kiểm tra thông tin của công dân, cấp và chuyển ngay số định danh cá nhân cho cơ quan cấp thẻ Căn cước công dân. *(Điều 15, Nghị định số 137/2015/NĐ-CP)*

**5. Hủy số định danh cá nhân**

 Khi phát hiện số định danh cá nhân đã cấp có sai sót do nhập sai thông tin về công dân, thủ trưởng cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Bộ Công an ra quyết định hủy số định danh cá nhân đó và cấp lại số định danh cá nhân khác cho công dân;

Tổ chức thực hiện việc điều chỉnh số định danh cá nhân và thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và các hồ sơ, tàng thư liên quan.

***Căn cứ pháp lý:*** [*Luật Căn cước công dân 2014*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Can-cuoc-cong-dan-2014-259782.aspx)*;*[*Luật Hộ tịch 2014*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/quyen-dan-su/Luat-Ho-tich-2014-259727.aspx)*; Nghị định số 137/2015/NĐ-CP;* [*Nghị định 37/2021/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Nghi-dinh-37-2021-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-137-2015-ND-CP-huong-dan-Luat-Can-cuoc-cong-dan-449402.aspx?anchor=khoan_9_1)*.*